

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch của Công ty là: EuroCapital Securities Joint Stock Company. Tên viết tắt là ECC

Vốn điều lệ của Công ty: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính tại: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong 6 tháng đầu năm 2012 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Nguyễn Cảnh Sơn	Chủ tịch
Ngô Chí Dũng	Thành viên
Ngô Phương Chí	Thành viên

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2012 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ngô Bích Thanh	Tổng Giám đốc
Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng cam kết rằng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Bích Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Số: 329 /2012/MKNAG/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/ 06/ 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được lập ngày 30 tháng 07 năm 2012. Như đã trình bày tại Thuyết minh số III và IV của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910-Công tác soát xét báo cáo tài chính. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc soát xét đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Gới hạn phạm vi kiểm toán

Tại thời điểm 30/6/2012, Công ty chưa đánh giá lại các khoản chứng khoán chưa niêm yết (OTC) trong các hoạt động đầu tư do hiện tại Bộ tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này tại thời điểm đánh giá.

Ý kiến

Dựa trên cơ sở soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng trọng yếu (nếu có) của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh không trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Lưu ý người đọc báo cáo tài chính

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới thuyết minh số VL4 về số liệu so sánh trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 là số liệu chưa được kiểm toán do Báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện không trình bày số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.



Hoàng Tiến Lợi
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0234/KTV



Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0922/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International

Hồ Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Mẫu số B01- CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.758.572.840	87.032.362.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.276.824.914	46.457.693.637
1. Tiền	111		9.689.824.914	9.157.693.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.587.000.000	37.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.214.357.040	28.492.718.240
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	25.118.320.391	44.800.259.690
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	129		(3.903.963.351)	(16.307.541.450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.021.303.327	11.678.673.891
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	3.000.000	530.999.999
2. Trả trước cho người bán	132		225.233.285	8.734.920
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.04	8.147.436.652	2.635.045.173
4. Các khoản phải thu khác	138	V.05	40.731.133.390	8.628.393.799
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(85.500.000)	(124.500.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		246.087.559	403.277.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		234.678.560	273.182.819
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.408.999	130.094.250
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.092.371.387	8.222.836.199
I. Tài sản cố định	220		5.576.609.566	6.700.119.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.398.003.687	2.818.641.811
- Nguyên giá	222		5.429.806.876	5.429.806.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.031.803.189)	(2.611.165.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.178.605.879	3.881.477.912
- Nguyên giá	228		5.547.943.000	5.537.943.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.369.337.121)	(1.656.465.088)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.515.761.821	1.522.716.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	552.624.212	664.993.065
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	807.317.666	701.903.468
3. Tài sản dài hạn khác	268		155.819.943	155.819.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.850.944.227	95.255.199.036

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.912.447.029	7.970.090.868
I. Nợ ngắn hạn	310		8.902.772.839	7.970.090.868
1. Phải trả người bán	312		37.656.000	454.278.198
2. Người mua trả tiền trước	313		110.621.024	120.476.716
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	127.969.398	79.771.163
4. Phải trả người lao động	315		144.158.514	1.101.353
5. Chi phí phải trả	316		514.450.787	228.195.694
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	2.121.071.758	2.284.924.725
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng	320	V.12	6.098.038.221	5.117.721.119
8. Phải trả bộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		65.234.537	49.300
9. Phải trả tổ chức phát hành CK	322		72.600	72.600
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(316.500.000)	(316.500.000)
II. Nợ dài hạn	330		9.674.190	-
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.674.190	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.938.497.198	87.285.108.168
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	97.938.497.198	87.285.108.168
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.115.772.807	1.050.433.904
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.231.131.246	165.792.343
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(55.408.406.855)	(63.931.118.079)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.850.944.227	95.255.199.036

Mẫu số B01- CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2012	30/06/2011
6. Chứng khoán lưu ký	006	189.890.630.000	178.852.560.000
Trong đó:		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	184.727.130.000	176.863.190.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.010.670.000	13.135.110.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	179.716.460.000	163.728.080.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	233.000.000	380.000.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	233.000.000	380.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.842.800.000	1.438.400.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán trong	029	4.842.800.000	1.438.400.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	87.700.000	170.970.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	4.450.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	87.700.000	166.520.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty chứng khoán	083	245.900.000	245.900.000

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Bích Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu	01	VL01	9.166.820.700	7.531.324.336
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.049.541.980	1.458.616.574
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.385.033.755	1.315.475.921
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		329.090.909	431.818.182
Doanh thu khác	01.9		5.403.154.056	4.325.413.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		9.166.820.700	7.531.324.336
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VL02	(6.477.481.519)	12.994.813.556
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		15.644.302.219	(5.463.489.220)
6. Chi phí bán hàng			-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL03	5.000.460.896	7.439.246.356
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.643.841.323	(12.902.735.576)
9. Thu nhập khác	31		9.639.718	19.836.393
10. Chi phí khác	32		92.011	193.342.848
11. Lợi nhuận khác	40		9.547.707	(173.506.455)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.653.389.030	(13.076.242.031)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.653.389.030	(13.076.242.031)
16. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70		710	(872)

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Bích Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	3.540.840.434	3.041.009.112
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1.742.371.949)	(3.297.597.075)
3. Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(41.848.165)	(241.243.467)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	1.757.588.820.250	1.336.600.719.946
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(1.746.229.094.701)	(1.323.185.490.801)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	309.270.000	-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(309.710.000)	-
8. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1.487.405.727)	(3.049.984.356)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.515.237.391)	(3.021.019.869)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	(27.340.410)	(116.300.397)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
12. Tiền thu khác	14	897.570.389	534.207.631
13. Tiền chi khác	15	(983.232.403)	(1.189.996.318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.002.260.327	6.074.304.406
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(425.670.000)	(1.737.255.800)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.000.000.000)	(19.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	28.000.000.000	27.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.242.540.951	5.565.999.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.183.129.049)	11.828.743.215
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.000.000.000	16.940.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(16.940.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(17.180.868.722)	17.963.047.621
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.457.693.636	18.731.875.992
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.276.824.914	36.634.923.613

Kế toán trưởng

Thủy

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Ngô Bích Thanh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày		Số tăng/ giảm				Số dư tại ngày	
	01/01/2011	01/01/2012	30/06/2011		30/06/2012		30/06/2011	30/06/2012
	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
A			3	4	5	6		
I - Vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	165.792.343	165.792.343	-	-	1.065.338.903	-	165.792.343	1.231.131.246
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.050.433.904	1.050.433.904	-	-	1.065.338.903	-	1.050.433.904	2.115.772.807
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(48.930.457.828)	(63.931.118.079)		13.076.242.031	8.522.711.224		(62.006.699.859)	(55.408.406.855)
Tổng cộng	102.285.768.419	87.285.108.168	-	13.076.242.031	10.653.389.030	-	89.209.526.388	97.938.497.198

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Bích Thanh

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính tại: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Các dịch vụ tài chính khách phù hợp với quy định của pháp luật.

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 95/2008/TT- BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi thông tư số 95/2008/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành tại Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng ít rủi ro và dễ chuyển thành một khoản tiền nhất định kể từ ngày mua.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Thiết bị văn phòng

03-08

Máy móc thiết bị

05-08

Tài sản khác

03-05

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí trong năm tài chính. Các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa hay dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

6. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn cổ phiếu bán ra được ghi nhận theo phương pháp bình quân gia quyền.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

8. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị thị trường đối với chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị thị trường của các khoản chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá thị trường là giá tham khảo được cung cấp bởi 03 Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

9. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tự doanh chứng khoán

Thu nhập từ tự doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	40.374.031	19.739.722
Tiền gửi ngân hàng	9.649.450.883	9.137.953.915
- Trong đó		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	6.098.038.221	5.117.721.119
Các khoản tương đương tiền	19.587.000.000	37.300.600.000
Cộng	29.276.824.914	46.457.693.637

V.02 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	14.236.371.591	33.918.749.690
Cổ phiếu chưa niêm yết	470.008.800	469.570.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(3.903.963.351)	(16.307.541.450)
Đầu tư ngắn hạn khác	10.411.940.000	10.411.940.000
Cộng	21.214.357.040	28.492.718.240

V.03 Phải thu khách hàng

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	-	530.000.000
Khách hàng khác	3.000.000	999.999
Cộng	3.000.000	530.999.999

V.04 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	3.294.805.554	537.786.295
Phải thu cho vay giao dịch ký quỹ	4.852.631.098	2.097.258.878
Cộng	8.147.436.652	2.635.045.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

V.05 Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyễn Thị Quỳnh Anh (*)	20.000.000.000	-
Đỗ Thế Trung (**)	20.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc theo HĐ mỗi giới chứng khoán (***)	-	8.000.000.000
Dự thu tiền lãi và phí	563.293.557	461.986.865
Phải thu cổ tức	72.730.800	71.297.900
Các khoản phải thu khác	95.109.033	95.109.034
Cộng	40.731.133.390	8.628.393.799

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/2012/HĐVT/ECC-NTQANH kí ngày 09/01/2012 giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh. Theo đó, Công ty cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh vay số tiền là 20.000.000.000VND với lãi suất là 18.9%/ năm với thời hạn 01 tháng. Số tiền vay được đảm bảo bằng 2.000.000 cổ phần của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) do Công ty Cổ phần EuroFinance bảo lãnh. Ngày 09/02/2012, 09/03/2012 và ngày 08/06/2012, Công ty và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh có ký các phụ lục hợp đồng để gia hạn khoản vay theo nhu cầu của 2 bên. Lãi suất của khoản vay tại ngày 30/06/2012 là 17%/năm (đã bao gồm thuế VAT 10%).

(**) Hợp đồng vay tiền số 03/2012/HĐVT/ECC-DTTRUNG ký ngày 21/05/2012 giữa Công ty và Ông Đỗ Thế Trung. Theo đó, Công ty cho Ông Đỗ Thế Trung vay số tiền là 20.000.000.000VND với lãi suất là 18%/ năm với thời hạn 02 tháng. Số tiền vay được đảm bảo bằng 2.000.000 cổ phần của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) do Công ty Cổ phần EuroFinance bảo lãnh.

(***) Phản ánh khoản đặt cọc với tỉ lệ 50% giá trị hợp đồng tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseo) theo hợp đồng môi giới chứng khoán số 7346/2011/Agriseo – Eurocapital ngày 03/2011 giữa Công ty và Agriseo. Theo đó, Agriseo sẽ thay mặt Công ty tìm kiếm đối tác có nhu cầu bán các loại chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng môi giới. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất 23%/năm tính trên số ngày thực tế Agriseo nắm giữ tiền đặt cọc. Khi hợp đồng hết hạn mà Agriseo không tìm được chứng khoán như thỏa thuận thì Agriseo sẽ phải trả lại tiền cho Công ty số tiền đặt cọc và số tiền lãi tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN EUROCAPITAL

Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B09-CTCK**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**V.06 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2012	23.296.812	5.154.798.064	251.712.000	5.429.806.876
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2012	23.296.812	5.154.798.064	251.712.000	5.429.806.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2012	13.913.380	2.421.053.285	176.198.400	2.611.165.065
Tăng trong năm	1.941.402	393.525.522	25.171.200	420.638.124
Khấu hao trong năm	1.941.402	393.525.522	25.171.200	420.638.124
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2012	15.854.782	2.814.578.807	201.369.600	3.031.803.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	9.383.432	2.733.744.779	75.513.600	2.818.641.811
Tại ngày 30/6/2012	7.442.030	2.340.219.257	50.342.400	2.398.003.687

V.07 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Phần mềm ứng dụng	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	5.537.943.000	5.537.943.000
Tăng trong năm	10.000.000	10.000.000
Mua trong năm	10.000.000	10.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2012	5.547.943.000	5.547.943.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2012	1.656.465.088	1.656.465.088
Tăng trong năm	712.872.033	712.872.033
Khấu hao trong năm	712.872.033	712.872.033
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2012	2.369.337.121	2.369.337.121
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	3.881.477.912	3.881.477.912
Tại ngày 30/06/2012	3.178.605.879	3.178.605.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**V.08 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lắp đặt điện nước	466.501.538	509.563.218
Chi phí sửa chữa văn phòng	35.798.742	53.698.114
Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ	6.827.600	32.388.923
Chi phí giám định hệ thống giao dịch trực tuyến	17.708.333	-
Chi phí khác	25.787.999	69.342.810
Cộng	552.624.212	664.993.065

V.09 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	579.485.305	537.637.140
Tiền lãi phân bổ	107.832.361	44.266.328
Cộng	807.317.666	701.903.468

V.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	81.640.545	49.108.215
Thuế thu nhập cá nhân	46.328.853	30.662.948
Cộng	127.969.398	79.771.163

V.11 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.066.046.002	2.221.855.000
Bảo hiểm xã hội	7.157.033	7.779.494
Các khoản phải trả phải nộp khác	47.868.723	55.290.231
Cộng	2.121.071.758	2.284.924.725

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

V.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả nhà đầu tư	6.098.038.221	5.117.721.119
Cộng	6.098.038.221	5.117.721.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

V.13 Vốn chủ sở hữu

Tích bình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2012

Cổ đông	Theo giấy phép thành lập và hoạt động				Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30/06/2012	
	Số cổ phần (Cổ phần)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (Cổ phần)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Có đóng sáng lập						
Công ty CP Eurowindow Holding	2.400.000	24.000.000.000	16,0	3.825.000	38.250.000.000	25,5
Công ty CP Đầu tư Liên Minh	1.350.000	13.500.000.000	9,0	1.350.000	13.500.000.000	9,0
Ông Ngô Chí Dũng	2.400.000	24.000.000.000	16,0	1.886.694	18.866.940.000	12,6
Ông Phạm Hồng Quân	450.000	4.500.000.000	3,0	213.306	2.133.060.000	1,4
Bà Lê Thị Song Lê	450.000	4.500.000.000	3,0	25.000	250.000.000	0,2
	7.050.000	70.500.000.000	47,0	7.300.000	73.000.000.000	48,7
Các cổ đông khác						
Ông Nguyễn Cảnh Hồng	2.700.000	27.000.000.000	18,0	-	-	-
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	1.950.000	19.500.000.000	13,0	1.950.000	19.500.000.000	13,0
Ông Trần Ngọc Bê	1.650.000	16.500.000.000	11,0	675.000	6.750.000.000	4,5
Bà Lý Thị Thu Hà	750.000	7.500.000.000	5,0	250.000	2.500.000.000	1,7
Ông Cao Minh Hiền	600.000	6.000.000.000	4,0	600.000	6.000.000.000	4,0
Ông Nguyễn Đức Hường	300.000	3.000.000.000	2,0	10.000	100.000.000	0,1
Bà Lê Thị Thu Hiền	-	-	-	310.000	3.100.000.000	2,1
Ông Trần Việt Hùng	-	-	-	20.500	205.000.000	0,1
Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương	-	-	-	180.000	1.800.000.000	1,2
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	-	-	-	804.500	8.045.000.000	5,4
Ông Trịnh Thanh Chương	-	-	-	750.000	7.500.000.000	5,0
Công ty Tài chính CP Điện lực	-	-	-	500.000	5.000.000.000	3,3
Các cổ đông khác	-	-	-	1.650.000	16.500.000.000	11,0
	7.950.000	79.500.000.000	53,0	7.700.000	77.000.000.000	51,3
Tổng Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100	15.000.000	150.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.01 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.049.541.980	1.458.616.574
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.385.033.755	1.315.475.921
Doanh thu hoạt động tư vấn	329.090.909	431.818.182
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	4.468.995.394	1.540.122.753
Phí cho vay giao dịch ký quỹ	563.509.309	-
Lãi Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo	-	2.452.924.597
Phí tiền ứng trước tiền bán chứng khoán	357.012.988	322.292.413
Doanh thu khác	13.636.365	10.073.896
Cộng	9.166.820.700	7.531.324.336

VI.02 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.074.648.379	1.113.888.958
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.419.835.926	3.930.822.085
Chi phí hoạt động tư vấn	285.191.519	197.176.445
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	76.787.228	66.476.252
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	(12.403.578.099)	7.493.491.515
Chi phí khác	69.633.528	192.958.301
Cộng	(6.477.481.519)	12.994.813.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

VI.03 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí lương, BHYT, BHXH nhân viên quản lý	1.523.593.456	2.475.127.988
Chi phí vật liệu	13.301.040	31.499.449
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.161.464	379.530.772
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.133.510.157	1.401.984.419
Thuế, phí, lệ phí	120.536.076	160.618.322
Chi phí dự phòng	(39.000.000)	42.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.060.864.700	2.669.605.117
Chi phí khác bằng tiền	159.494.003	278.130.289
Cộng	5.000.460.896	7.439.246.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm có vốn góp, các quỹ trừ đi lỗ lũy kế

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	30/06/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.276.824.914	46.457.693.637
Phải thu khách hàng	3.000.000	530.999.999
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.147.436.652	2.635.045.173
Các khoản phải thu khác	40.731.133.390	8.628.393.799
Tài sản ngắn hạn khác	246.087.559	403.277.069
Cộng	78.404.482.515	58.655.409.677
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	37.656.000	454.278.198
Chi phí phải trả	514.450.787	228.195.694
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.121.071.758	2.284.924.725
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.098.038.221	5.117.721.119
Cộng	8.771.216.766	8.085.119.736

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT – BTC (Thông tư 210) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính yêu cầu trình cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp ngăn ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ hoạt động như sau:

	Tài sản	
	30/06/2012 VND	30/06/2011 VND
Đô la Mỹ	814.640	814.640
Cộng	814.640	814.640

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu nào do các khoản vay

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ gốc và lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán, hợp đồng cho vay có tài sản đảm bảo và lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09-CTKC**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2012			
Phải trả người bán	37.656.000	-	37.656.000
Chi phí phải trả	514.450.787	-	514.450.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.121.071.758	-	2.121.071.758
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.098.038.221	-	6.098.038.221
Cộng	8.771.216.766	-	8.771.216.766
31/12/2011			
Phải trả người bán	454.278.198	-	454.278.198
Chi phí phải trả	228.195.694	-	228.195.694
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.284.924.725	-	2.284.924.725
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.117.721.119	-	5.117.721.119
Cộng	8.085.119.736	-	8.085.119.736

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.276.824.914	-	29.276.824.914
Phải thu khách hàng	3.000.000	-	3.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.147.436.652	-	8.147.436.652
Các khoản phải thu khác	40.731.133.390	-	40.731.133.390
Tài sản ngắn hạn khác	246.087.559	-	246.087.559
Cộng	78.404.482.515	-	78.404.482.515
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.457.693.637	-	46.457.693.637
Phải thu khách hàng	530.999.999	-	530.999.999
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.635.045.173	-	2.635.045.173
Các khoản phải thu khác	8.628.393.799	-	8.628.393.799
Tài sản ngắn hạn khác	403.277.069	-	403.277.069
Cộng	58.655.409.677	-	58.655.409.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

VII.2 Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
Ông Ngô Chí Dũng	Thành viên HĐQT	Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư	2.366.940.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Cổ đông lớn	Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư	8.045.000.000	-
Ban giám đốc		Thu nhập được nhận	374.834.091	401.137.500

VII.3 Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	30/06/2012	30/06/2011
			VND	VND
Ông Ngô Chí Dũng	Thành viên HĐQT	Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.366.940.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Cổ đông lớn	Đầu tư ngắn hạn khác	-	8.045.000.000
Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	Cổ đông sáng lập	Phải thu khách hàng	-	530.000.000
Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	Cổ đông sáng lập	Người mua trả tiền trước	25.000.000	25.000.000

VI.4 Số liệu so sánh

Số liệu trên bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09- CTCK

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

VL5 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Không có sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày 30/06/2012 cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Bích Thanh